

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MAKING AN
IMPACT THAT
MATTERS**

QUYỀN
NHÀ NƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 41

10011
CÔNG
TÂN
KIỂM
ĐELO
VIỆT
G ĐA

10920
CÔNG
CỔ PH
HEL
ENEI
VH PH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
23846 - 02/2025
Số chứng thực.....Quyển số:.....-SCT/BS

Ngày: 25 -12- 2025

Người thực hiện chứng thực



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Hoàn

Số: 0692/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1

Nguyễn Thị Ngân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5248-2020-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.935.463.791	94.884.447.066
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.299.326.829	38.730.205.118
1. Tiền	111		17.299.326.829	37.893.595.980
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	836.609.138
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	22.800.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.051.512.033	17.733.626.741
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.856.456.515	13.932.479.990
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.089.907.751	3.687.746.751
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	105.147.767	113.400.000
IV. Hàng tồn kho	140	9	537.095.181	962.592.421
1. Hàng tồn kho	141		537.095.181	962.592.421
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.247.529.748	37.458.022.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.675.102.226	2.328.783.653
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.572.427.522	35.129.239.133
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		455.386.314.167	507.074.996.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.855.000.000	3.290.457.600
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.855.000.000	3.290.457.600
II. Tài sản cố định	220		378.157.042.371	431.336.709.464
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	378.157.042.371	431.336.709.464
- Nguyên giá	222		493.147.313.989	508.787.926.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.990.271.618)	(77.451.216.787)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	54.644.804.103	60.178.554.875
- Nguyên giá	231		67.768.155.812	68.836.297.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.123.351.709)	(8.657.742.276)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	15.002.288.849	5.991.350.302
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.002.288.849	5.001.350.302
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	990.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.727.178.844	6.277.924.393
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.938.674.658	2.058.638.335
2. Lợi thế thương mại	269	15	2.788.504.186	4.219.286.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		546.321.777.958	601.959.443.700

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		312.703.326.096	378.414.514.186
I. Nợ ngắn hạn	310		74.337.604.752	71.515.630.331
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.721.808.239	5.518.962.172
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.487.908.304	1.629.285.641
3. Phải trả người lao động	314		1.042.388.159	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.531.866.656	3.884.521.782
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	915.833.394	-
6. Vay ngắn hạn	320	19	62.637.800.000	60.482.860.736
II. Nợ dài hạn	330		238.365.721.344	306.898.883.855
1. Vay dài hạn	338	20	237.562.083.738	306.506.937.874
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	803.637.606	391.945.981
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.618.451.862	223.544.929.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	233.618.451.862	223.544.929.514
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.331.664.665	8.331.664.665
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.286.787.197	5.213.264.849
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.213.264.849	(1.126.945.658)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.073.522.348	6.340.210.507
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		546.321.777.958	601.959.443.700


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng


Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

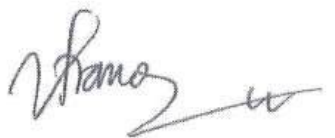
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	124.049.023.312	102.206.514.887
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		124.049.023.312	102.206.514.887
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	70.174.440.178	58.516.486.978
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.874.583.134	43.690.027.909
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.378.719.251	5.406.598.180
6. Chi phí tài chính	22	28	36.047.171.426	34.434.029.353
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.978.911.475	34.357.665.716
7. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	24	5	(195.761.453)	(68.649.698)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	8.189.062.759	7.263.487.866
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22+24)-26)	30		11.821.306.747	7.330.459.172
10. Thu nhập khác	31	30	1.189.622.339	463.738.808
11. Chi phí khác	32	30	1.082.860.042	317.803.477
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		106.762.297	145.935.331
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.928.069.044	7.476.394.503
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.442.855.071	861.625.771
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	411.691.625	274.558.225
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.073.522.348	6.340.210.507
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	480	302



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thanh Đạt
Tổng Giám đốc

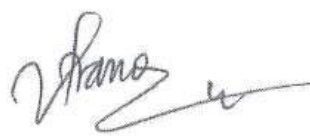
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.928.069.044	7.476.394.503
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	45.898.785.414	40.386.051.942
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.179.938.408)	(5.337.948.482)
Chi phí lãi vay	06	35.978.911.475	34.357.665.716
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	91.625.827.525	76.882.163.679
Thay đổi các khoản phải thu	09	2.830.055.691	25.314.137.487
Thay đổi hàng tồn kho	10	425.497.240	394.161.672
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	789.662.427	(11.915.007.023)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(226.354.896)	(1.707.291.854)
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.023.178.082)	(34.305.471.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.459.981.013)	(75.272.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.961.528.892	54.587.419.735
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(102.201.818)	(17.158.071.720)
2. Tiền chi cho vay	23	(48.530.000.000)	(19.690.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	48.530.000.000	121.822.500.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.006.700.000)	(78.666.050.506)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	9.296.041.745	-
6. Tiền thu lãi cho vay	27	1.999.367.764	10.042.515.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.813.492.309)	16.350.893.380
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	43.796.802.656	124.295.854.564
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(102.375.717.528)	(160.868.588.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.578.914.872)	(36.572.733.766)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(21.430.878.289)	34.365.579.349
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.730.205.118	4.364.625.769
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	17.299.326.829	38.730.205.118


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng


Phạm Thanh Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Alpha Solar 1 – Công ty TNHH Một thành viên với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020. Ngày 01 tháng 4 năm 2021, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên sửa đổi lần 1 với nội dung thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Helio Power" (nay tên là "Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli") sang chủ sở hữu mới là "Công ty Cổ phần Đầu tư Helios" (nay tên là "Công ty Cổ phần Helio Power"). Từ ngày 19 tháng 10 năm 2021 đến ngày 21 tháng 10 năm 2021, chủ sở hữu mới của Công ty đã quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH ngày 20 tháng 10 năm 2021 và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 210.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 10 năm 2021 với tên là Công ty Cổ phần Heaven Power.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 3 với nội dung thay đổi tên doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Heaven Power" thành "Công ty Cổ phần Helio Energy". Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 5 ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Helio Power.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 46 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, phân phối điện;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất pin và ắc quy, thiết bị dây dẫn điện các loại, thiết bị điện chiếu sáng, đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác;
- Sửa chữa thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;

- Trồng cây ăn quả, cây lấy quả chứa dầu, cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, cây hàng năm và cây lâu năm khác; và
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:

- Ngày 08 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 36% vốn góp (tương ứng 3.240.000.000 VND) của Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn với giá chuyển nhượng là 3.013.200.000 VND. Theo đó, Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.
- Ngày 12 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 36% vốn góp (tương ứng 3.240.000.000 VND) của Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam với giá chuyển nhượng là 2.948.400.000 VND. Theo đó, Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.
- Ngày 13 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Apollo Power 2 - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 37% vốn góp (tương ứng 3.330.000.000 VND) của Công ty TNHH NVP Việt Nam với giá chuyển nhượng là 3.230.100.000 VND, theo đó nâng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ kiểm soát tại công ty này lên 48% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: Công ty TNHH Apollo Power 2 nắm giữ 11% tỷ lệ biểu quyết và sở hữu tại Công ty TNHH NVP Việt Nam), theo đó, Công ty TNHH NVP Việt Nam trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2023.
- Ngày 08 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt, Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú và Công ty TNHH Apollo Power 2 - các công ty con của Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các công ty này tại Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà - công ty con gián tiếp của Công ty cho Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền và Bà Trần Thị Thu Thủy với giá chuyển nhượng lần lượt là 6.207.300.000 VND (trong đó, Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt: 3.197.700.000 VND, Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú: 3.009.600.000 VND) và 3.197.700.000 VND. Theo đó, kể từ ngày này, công ty này không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 26 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp).

Thông tin chi tiết về công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 8, số 152 Phố Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
10	Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
20	Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

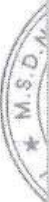
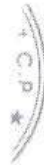
CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
24	Công ty TNHH MTV Nghiên Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

Thông tin chi tiết về công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Số 106 Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Kim Thư, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Huyện Đắk Song, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Thôn 1, Xã Đắk Búk So, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời



11/3/2024 12:11

Thông tin chi tiết về công ty liên kết gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Số 106 Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	30%	30%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	23%	23%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH NVP Việt Nam	Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Đắk R-Tìh, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	48%	48%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	36%	36%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Số 5c, Ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	36%	36%	Sản xuất điện mặt trời

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế

toàn được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hợp nhất kinh doanh không dưới sự kiểm soát chung

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Tấm pin mặt trời	15 - 20

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm khung giàn nhà xưởng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, thuê mái, thuê hệ thống cấp nước, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất, thuê mái, thuê hệ thống cấp nước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho dịch vụ cho thuê khung giàn, nhà xưởng chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm/kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận dựa trên sản lượng điện được công bố trên website của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Chi phí điện bao gồm các khoản chi phí cần thiết để có được doanh thu bán điện kể từ ngày phát điện.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.476.342.000	1.478.050.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.822.984.829	36.415.545.980
Các khoản tương đương tiền	-	836.609.138
	<u>17.299.326.829</u>	<u>38.730.205.118</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư của các công ty con gián tiếp của Công ty cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber theo các Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư ngày 28 tháng 9 năm 2023. Thời hạn hợp đồng là 10 tháng kể từ ngày chuyển vốn ủy thác, cụ thể như sau:

Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư theo công ty con:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công Ty TNHH Quang Trung Việt Nam	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	5.500.000.000	-
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	5.200.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	1.750.000.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Solar	1.750.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	1.550.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	1.050.000.000	-
	22.800.000.000	-

Chi tiết danh mục đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber:

Danh mục đầu tư	Giá trị (VND)
Công Ty TNHH Khởi Duy Solar	1.750.000.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	1.750.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	1.550.000.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	1.500.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	1.400.000.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	1.400.000.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	1.400.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	1.300.000.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	1.300.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam (*)	1.300.000.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam (*)	1.300.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam (*)	1.300.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	1.050.000.000
	22.800.000.000

(*) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber đã mua phần vốn góp của các công ty này từ ông Cao Xuân Thành - bên liên quan của Công ty (người đại diện quản lý vốn góp của Công ty mẹ).

b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	VND Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	3.000.000.000	2.927.579.830	3.000.000.000	2.994.980.607
Công ty TNHH VVT Việt Nam	2.070.000.000	1.846.098.765	2.070.000.000	2.006.369.695
Công ty TNHH NVP Việt Nam	4.225.100.000	4.246.583.337	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	3.018.200.000	3.029.559.305	-	-
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	2.953.400.000	2.952.467.612	-	-
	15.266.700.000	15.002.288.849	5.070.000.000	5.001.350.302

Thông tin tình hình hoạt động các công ty liên kết:

	Năm nay	Năm trước
Đầu tư vào các công ty liên kết		
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Chưa là công ty liên kết
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Hoạt động kinh doanh có lãi	Chưa là công ty liên kết
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Chưa là công ty liên kết

Biến động các khoản đầu tư liên kết:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	5.001.350.302	-
Phần (lỗ) trong công ty liên kết	(195.761.453)	(68.649.698)
Tăng do đầu tư, góp vốn thêm trong năm (i)	9.206.700.000	5.070.000.000
Tăng do chuyển đầu tư vào đơn vị khác thành đầu tư vào công ty liên kết trong năm (i)	990.000.000	-
Số dư cuối năm	15.002.288.849	5.001.350.302

(i) Trong năm, các công ty con của Công ty đã đầu tư mua phần vốn góp vào các Công ty liên kết như đã trình bày tại Thuyết minh số 01.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, ngày 13 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Apollo Power 2 - công ty con của Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 37% vốn góp (tương ứng 3.330.000.000 VND) của Công ty TNHH NVP Việt Nam với giá chuyển nhượng là 3.230.100.000 VND, theo đó nâng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ kiểm soát tại công ty này lên 48% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: Công ty TNHH Apollo Power 2 nắm giữ 11% tỷ lệ biểu quyết và sở hữu tại Công ty TNHH NVP Việt Nam), theo đó, Công ty TNHH NVP Việt Nam trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2023.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Điện lực Đắk Lắk	3.292.796.065	3.218.025.826
Công ty Điện lực Đắk Nông	2.273.261.994	2.676.086.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	942.699.996	2.616.416.663
Công ty Điện lực Bình Dương	870.966.806	945.774.396
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	486.192.400	821.856.784
Công ty Điện lực Bình Thuận	323.468.274	331.737.693
Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	178.830.980	183.022.210
Phải thu các khách hàng khác	13.488.240.000	3.139.560.000
	21.856.456.515	13.932.479.990
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	8.607.600.000	123.120.000

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, một số quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê)	629.937.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	404.500.000	404.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	1.396.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	-	629.937.000
Các nhà cung cấp khác	55.470.751	556.319.751
	1.089.907.751	3.687.746.751

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Đặt cọc	100.000.000	100.000.000
Tạm ứng	3.543.747	13.400.000
Các khoản khác	1.604.020	-
	105.147.767	113.400.000
b. Dài hạn		
Đặt cọc	2.855.000.000	3.290.457.600
	2.855.000.000	3.290.457.600
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	430.000.000	860.457.600

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.800.000	-	-	-
Thiết bị, phụ tùng	135.733.182	-	-	-
thay thế				
Chi phí sản xuất, kinh	387.561.999	-	962.592.421	-
doanh dở dang				
	<u>537.095.181</u>	<u>-</u>	<u>962.592.421</u>	<u>-</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a. Ngắn hạn				
Chi phí thuê đất, thuê mái	1.726.001.746		2.077.822.056	
Chi phí bảo hiểm	340.580.708		80.797.532	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.653.688		93.463.049	
Các khoản khác	586.866.084		76.701.016	
	<u>2.675.102.226</u>		<u>2.328.783.653</u>	
b. Dài hạn				
Chi phí thuê đất, thuê mái	794.561.421		1.263.189.166	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	158.093.726		286.825.992	
Chi phí thuê hệ thống cấp nước	124.925.311		273.745.519	
Các khoản khác	861.094.200		234.877.658	
	<u>1.938.674.658</u>		<u>2.058.638.335</u>	

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị vận phòng	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tầm pin mặt trời	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	10.880.899.062	156.975.282.444	-	89.414.373.645	251.517.371.100	508.787.926.251
Tăng trong năm	-	-	102.201.818	-	-	102.201.818
Giảm do thoái vốn	(442.322.793)	(4.102.866.209)	-	(2.765.925.495)	(6.048.866.422)	(13.359.980.919)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.382.833.161)	-	-	-	-	(2.382.833.161)
Số dư cuối năm	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	1.608.677.984	27.753.707.989	-	15.332.450.632	32.756.380.182	77.451.216.787
Khấu hao trong năm	836.065.201	14.710.122.550	16.026.269	9.341.530.626	15.907.874.458	40.811.619.104
Giảm do thoái vốn	(87.092.609)	(979.870.361)	-	(716.468.305)	(1.021.106.987)	(2.804.538.262)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(468.026.011)	-	-	-	-	(468.026.011)
Số dư cuối năm	1.889.624.565	41.483.960.178	16.026.269	23.957.512.953	47.643.147.653	114.990.271.618
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	9.272.221.078	129.221.574.455	-	74.081.923.013	218.760.990.918	431.336.709.464
Tại ngày cuối năm	6.166.118.543	111.388.456.057	86.175.549	62.690.935.197	197.825.357.025	378.157.042.371

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của tài sản cố định gồm toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà được dùng để thế chấp cho các khoản vay là 377.388.558.965 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 430.510.056.679 VND).

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	68.836.297.151
Phân loại lại từ TSCĐHH do thay đổi mục đích sử dụng	2.382.833.161
Giảm do thoái vốn	(3.450.974.500)
Số dư cuối năm	67.768.155.812
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	8.657.742.276
Trích khấu hao trong năm	4.648.830.396
Phân loại lại từ TSCĐHH do thay đổi mục đích sử dụng	468.026.011
Giảm do thoái vốn	(651.246.974)
Số dư cuối năm	13.123.351.709
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	60.178.554.875
Tại ngày cuối năm	54.644.804.103

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư là hệ thống khung giàn nhà xưởng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.644.804.103 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 60.178.554.875 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 4.858.333.266 VND (năm 2022: 2.336.416.663 VND). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 5.061.116.457 VND (năm 2022: 2.304.352.456 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giảm do thoái vốn VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.451.700.900	1.442.855.071	1.459.981.013	2.254.550	1.432.320.408
Thuế thu nhập cá nhân	177.584.741	350.381.568	472.378.413	-	55.587.896
Thuế khác	-	77.000.000	77.000.000	-	-
	<u>1.629.285.641</u>	<u>1.870.236.639</u>	<u>2.009.359.426</u>	<u>2.254.550</u>	<u>1.487.908.304</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chênh lệch do hợp nhất kinh doanh	803.637.606	391.945.981
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>803.637.606</u>	<u>391.945.981</u>

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.480.657.761
Giảm do thoái vốn	(1.167.583.474)
Số dư cuối năm	3.313.074.287
PHẦN BỔ LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	261.371.703
Phân bổ trong năm	438.335.914
Giảm do thoái vốn	(175.137.516)
Số dư cuối năm	524.570.101
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	4.219.286.058
Tại ngày cuối năm	2.788.504.186

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Amber Capital	769.781.575	769.781.575	1.438.699.459	1.438.699.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	688.490.000	688.490.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật TEG	429.849.546	429.849.546	2.006.856.804	2.006.856.804
Công ty Cổ phần Năng lượng NCC	429.510.000	429.510.000	429.510.000	429.510.000
Công ty TNHH Vinh Quang	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty TNHH Phú Gia Construction (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê)	-	-	1.030.806.000	1.030.806.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.004.177.118	1.004.177.118	613.089.909	613.089.909
	<u>3.721.808.239</u>	<u>3.721.808.239</u>	<u>5.518.962.172</u>	<u>5.518.962.172</u>
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	769.781.575	769.781.575	1.463.222.695	1.463.222.695

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	2.432.536.132	1.410.032.528
Chi phí lãi vay	904.821.714	949.088.321
Các khoản trích trước khác	1.194.508.810	1.525.400.933
	<u>4.531.866.656</u>	<u>3.884.521.782</u>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu nhận trước (i)	915.833.394	-
	<u>915.833.394</u>	<u>-</u>

- (i) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh khoản nhận trước tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng Oscar thuê khung giàn nhà xưởng với kỳ hạn từ 02 đến 05 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Giảm	Giảm do thoái vốn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	835.000.000	835.000.000		5.510.000.000	4.510.000.000	870.000.000	865.000.000	865.000.000
Phạm Thị Hồng Nhung (i)	-	-		760.000.000	510.000.000	-	250.000.000	250.000.000
Đỗ Tuấn Dũng (i)	-	-		785.000.000	550.000.000	-	235.000.000	235.000.000
Lê Hải Long (i)	180.000.000	180.000.000		535.000.000	570.000.000	-	145.000.000	145.000.000
Đỗ Kiên Trung (i)	175.000.000	175.000.000		970.000.000	1.020.000.000	-	125.000.000	125.000.000
Đỗ Thị Lưu (i)	80.000.000	80.000.000		565.000.000	535.000.000	-	110.000.000	110.000.000
Phan Thành Đạt	400.000.000	400.000.000		-	400.000.000	-	-	-
Nguyễn Lê Nam Hải	-	-		870.000.000	-	870.000.000	-	-
Vũ Thanh Huyền	-	-		300.000.000	300.000.000	-	-	-
Trịnh Nam Thắng	-	-		275.000.000	275.000.000	-	-	-
Lê Thị Ngọc Huyền	-	-		270.000.000	270.000.000	-	-	-
Hồ Nam Phong	-	-		180.000.000	180.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	59.647.860.736	59.647.860.736		61.772.800.000	59.497.860.736	150.000.000	61.772.800.000	61.772.800.000
(xem Thuyết minh số 20)								
	60.482.860.736	60.482.860.736		67.282.800.000	64.107.860.736	1.020.000.000	62.637.800.000	62.637.800.000

(i) Phản ánh các khoản vay tín chấp từ các cá nhân là Giám đốc và Kế toán trưởng của các công ty con của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho các công ty con theo các Hợp đồng vay vốn trong tháng 1 và tháng 7 năm 2023. Thời hạn gốc của các khoản vay là 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, sau đó được gia hạn thêm 08 tháng. Các khoản vay có lãi suất 10%/năm, thời hạn trả lại là 03 tháng kể từ ngày trả hết nợ gốc vay. Gốc vay được thanh toán một lần khi đáo hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thoái vốn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND			VND	VND	VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê (i)	153.538.160.000	153.538.160.000	38.286.802.656	32.923.800.000	-	158.901.162.656	158.901.162.656
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	58.504.493.976	58.504.493.976	-	6.100.000.000	-	52.404.493.976	52.404.493.976
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (iii)	51.697.908.426	51.697.908.426	-	6.542.000.000	-	45.155.908.426	45.155.908.426
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (iv)	44.744.318.680	44.744.318.680	-	8.850.000.000	7.341.000.000	28.553.318.680	28.553.318.680
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	16.360.000.000	16.360.000.000	-	2.040.000.000	-	14.320.000.000	14.320.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc	41.309.917.528	41.309.917.528	-	41.309.917.528	-	-	-
	<u>366.154.798.610</u>	<u>366.154.798.610</u>	<u>38.286.802.656</u>	<u>97.765.717.528</u>	<u>7.341.000.000</u>	<u>299.334.883.738</u>	<u>299.334.883.738</u>

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	59.647.860.736	59.647.860.736	61.772.800.000	61.772.800.000
- Số phải trả sau 12 tháng	306.506.937.874	306.506.937.874	237.562.083.738	237.562.083.738

Các khoản vay dài hạn trả gốc và lãi hàng tháng theo lịch trả nợ. Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	61.772.800.000	59.647.860.736
Trong năm thứ hai	63.772.800.000	62.530.267.304
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	148.932.469.981	193.170.794.184
Sau năm năm	24.856.813.757	50.805.876.386
	299.334.883.738	366.154.798.610
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	61.772.800.000	59.647.860.736
Số phải trả sau 12 tháng	237.562.083.738	306.506.937.874

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu (i) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	8.331.664.665	(1.126.945.658)	217.204.719.007
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.340.210.507	6.340.210.507
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	8.331.664.665	5.213.264.849	223.544.929.514
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.073.522.348	10.073.522.348
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862

- (i) Phản ánh khoản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung 26 công ty con trực tiếp của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty vào 26 công ty con trực tiếp và giá trị ghi sổ tài sản thuần của các công ty con này tại ngày hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung. Chi tiết quỹ khác phát sinh từ các công ty con như sau:

Công ty	Số tiền (VND)
Công ty TNHH Apollo Power 2	(83.710.893)
Công ty TNHH Apollo Power 4	(294.927.136)
Công ty TNHH Ampire Power 4	146.285.178
Công ty TNHH Omega Power 3	(108.650.691)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	210.682.120
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	536.643.523
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	511.907.341
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	456.169.175
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	608.218.022
Công ty TNHH KCP Energy	600.358.046
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	450.194.540
Công ty TNHH New Power Việt Nam	368.993.128
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	475.163.306
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	373.275.598
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	523.224.082
Công ty TNHH Two Brothers Energy	571.280.187
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	511.046.969
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	538.657.837

Công ty	Số tiền (VND)
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	329.241.733
Công ty TNHH Solar Việt	335.701.003
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	634.817.500
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	660.328.380
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	78.853.767
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	(6.397.902)
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	(76.379.705)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	(19.310.443)
Tổng	8.331.664.665

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 ngày 28 tháng 8 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 210.000.000.000 VND). Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập, theo đó số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu tối thiểu của các cổ đông sau khi chuyển nhượng cổ phần lần lượt là 14.556.000 cổ phần tương đương 69,31% với Công ty Cổ phần Helio Power và 10.000 cổ phần tương đương 0,05% với ông Hoàng Thế Anh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	69,31%	147.302.000.000	70,14%
Các cổ đông khác	64.440.000.000	30,69%	62.698.000.000	29,86%
	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power tại Công ty được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Từ 1 năm trở xuống	4.938.891.675	6.504.890.817
Trên 1 năm đến 5 năm	16.103.854.349	21.106.338.473
Trên 5 năm	38.121.659.956	41.152.904.586
	59.164.405.980	68.764.133.876

Các khoản thuê hoạt động thể hiện:

Hợp đồng thuê	Diện tích thuê (m2)	Giá thuê	Thời hạn thuê
Thuê văn phòng tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	175	Năm đầu tiên là 215.114.400 VND/tháng, sau đó điều chỉnh tăng hàng năm	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2022 đến ngày 20 tháng 03 năm 2027
Thuê mái tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	6.500	363.636.364 VND/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020
Thuê mái tại Cụm Công nghiệp Vật liệu Xây dựng Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	6.832	310.545.455 VND/năm	20 năm từ ngày 21 tháng 8 năm 2020
Thuê mái tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	6.400	Trong vòng 4 năm đầu tiên tính bằng 5% doanh thu bán điện/năm, giá thuê từ năm thứ 5 đến năm thứ 20 tính bằng 8% doanh thu bán điện/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 9 năm 2020
Thuê mái tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (phần diện tích phụ)	27	3.780.000 VND/năm	
Thuê nhà tại Đồng Nai	141,4	108.000.000 VND/năm	36 tháng kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023
Thuê nhà tại Đắk Nông	125	86.666.666 VND/năm	15 tháng kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2022, phụ lục gia hạn đến ngày 08 tháng 12 năm 2026
Tiền thuê nhà tại Đắk Lắk	150	106.666.666 VND/năm	12 tháng kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2023, phụ lục gia hạn đến ngày 18 tháng 01 năm 2027
Thuê thiết bị Recloser (03 công ty)		Đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 30.606.620 VND/năm	12 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Thuê mái tại Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	6.500	360.000.000 VND/năm	20 năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2020
Thuê mái tại Xã Tân Hưng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	3.920	183.300.000 VND/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020
Thuê mái tại Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	7.800	2,06 USD/m2/năm (bao gồm thuế) theo tỷ giá mua	20 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

Hợp đồng thuê	Diện tích thuê (m ²)	Giá thuê	Thời hạn thuê
Thuê mái tại KCN Nam Tân Uyên mở rộng, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	5.000	bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 250.000.000 VND/năm (bao gồm thuế) áp dụng cho 5 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh tăng 10% mỗi 5 năm	20 năm từ ngày 16 tháng 12 năm 2020
Thuê mái tại Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	2.276,3	170.722.500 VND/năm áp dụng cho 5 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh tăng 10% mỗi 5 năm	20 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Thuê mái tại Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận	3.000	150.000.000 VND/năm	20 năm từ ngày 01 tháng 6 năm 2020
Thuê quyền sử dụng đất (24 công ty)		20.000.000 VND/năm miễn tiền thuê trong 3 năm đầu tiên, từ năm thứ 4 giá thuê bằng 7 - 8,5% doanh thu hoạt động liên quan trực tiếp đến diện tích đất thuê đối với mỗi công ty	18 đến 20 năm từ tháng 9, tháng 11 và tháng 12 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040
Thuê quyền sử dụng đất (04 công ty)			

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Bán điện VND	Dịch vụ tư vấn/quản lý VND	Hoạt động nông nghiệp VND	Dịch vụ cho thuế VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	99.665.400.946	19.512.405.600	-	4.871.216.766	124.049.023.312
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	55.484.748.893	9.615.691.328	-	5.073.999.957	70.174.440.178
Thu nhập khác trực tiếp của bộ phận	-	-	800.001.740	-	800.001.740
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	35.978.911.475	-	900.902.842	-	36.879.814.317
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	8.201.740.578	9.896.714.272	(100.901.102)	(202.783.191)	17.794.770.557
Thu nhập không phân bổ					2.768.339.850
Chi phí không phân bổ					8.635.041.363
Lợi nhuận trước thuế					11.928.069.044
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.854.546.696
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.073.522.348

Báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	90.175.300.304	6.707.000.000	2.974.914.420	2.349.300.163	102.206.514.887
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	50.698.958.113	1.792.266.483	3.708.026.426	2.317.235.956	58.516.486.978
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	34.502.679.051	-	-	-	34.502.679.051
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	4.973.663.140	4.914.733.517	(733.112.006)	32.064.207	9.187.348.858
Thu nhập không phân bổ					5.870.336.988
Chi phí không phân bổ					7.581.291.343
Lợi nhuận trước thuế					7.476.394.503
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.136.183.996
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6.340.210.507

Bảng cân đối kế toán tại
ngày 31 tháng 12 năm
2023

	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	472.553.916.825	14.899.342.686	-	55.081.365.457	542.534.624.968
Tài sản không phân bổ					3.787.152.990
Tổng Tài sản					546.321.777.958
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	305.458.075.926	3.015.865.132	13.122.000	-	308.487.063.058
Nợ phải trả không phân bổ					4.216.263.038
Tổng Nợ phải trả					312.703.326.096

Bảng cân đối kế toán tại
ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	529.297.392.621	6.027.138.685	2.651.048.808	62.794.971.540	600.770.551.655
Tài sản không phân bổ					1.188.892.045
Tổng Tài sản					601.959.443.700
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	372.182.729.558	2.315.677.528	23.122.000	-	374.521.529.086
Nợ phải trả không phân bổ					3.892.985.100
Tổng Nợ phải trả					378.414.514.186

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện	99.665.400.946	90.175.300.304
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	19.512.405.600	6.707.000.000
Doanh thu cho thuê	4.871.216.766	2.349.300.163
Doanh thu hoạt động nông nghiệp	-	2.974.914.420
	124.049.023.312	102.206.514.887
Trong đó: Doanh thu phát sinh với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	8.734.983.700	3.934.883.500

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán điện	55.484.748.893	50.698.958.113
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	9.615.691.328	1.792.266.483
Giá vốn hoạt động cho thuê	5.073.999.957	2.317.235.956
Giá vốn hoạt động nông nghiệp	-	3.708.026.426
	70.174.440.178	58.516.486.978

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	10.843.084.427	5.185.371.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	45.748.470.492	40.826.375.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.160.895.759	19.055.660.092
Chi phí khác bằng tiền	621.948.572	318.405.874
	78.374.399.250	65.385.813.172

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.999.367.764	5.406.598.180
Lãi từ chuyển nhượng vốn	376.332.097	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.019.390	-
	2.378.719.251	5.406.598.180

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	35.978.911.475	34.357.665.716
Chi phí tài chính khác	68.259.951	76.363.637
	36.047.171.426	34.434.029.353

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.572.282.600	2.016.452.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.604.197	118.712.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.697.746.232	4.561.837.388
Phân bổ lợi thế thương mại	438.335.914	261.371.703
Chi phí khác bằng tiền	346.093.816	305.113.216
	8.189.062.759	7.263.487.866

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ hoạt động nông nghiệp	800.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo	368.128.304	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	440.323.404
Các khoản khác	21.494.035	23.415.404
	1.189.622.339	463.738.808
Chi phí khác		
Chi phí cho hoạt động nông nghiệp	900.902.842	-
Các khoản khác	181.957.200	317.803.477
	1.082.860.042	317.803.477

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.434.601.958	861.625.771
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	8.253.113	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.442.855.071	861.625.771

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	11.928.069.044	7.476.394.503
Điều chỉnh lợi nhuận trên góc độ hợp nhất	(594.612.646)	3.232.433.644
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	(4.648.929.271)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	8.366.580.277	5.970.634.175
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	19.700.036.675	12.030.533.051
Trong đó:		
- (Lỗ) tính thuế	-	(671.233.362)
- Thu nhập tính thuế	19.700.036.675	12.701.766.413
Chuyển lỗ	(671.233.362)	-
Chuyển lãi vay không được trừ năm 2021, 2022 thành chi phí lãi vay được trừ năm 2023	(1.200.700.011)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.828.103.302	12.701.766.413
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	7.076.816.762	4.281.443.885
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%	192.386.060	53.369.944
Thu nhập chịu thuế được miễn	10.558.900.480	8.366.952.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.434.601.958	861.625.771
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.434.601.958	861.625.771

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20%. Riêng đối với các công ty con mới thành lập và thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi trong vòng 2 năm đầu tiên và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	301.722.878	208.107.532
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư theo giá trị hợp lý	109.968.747	66.450.693
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	411.691.625	274.558.225

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.073.522.348	6.340.210.507
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.073.522.348	6.340.210.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	480	302

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2023. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc Công ty
Ông Cao Xuân Thành	Người đại diện quản lý vốn góp của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Amber Capital	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Bà Nguyễn Thị Lan)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 12 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 08 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 13 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	877.603.500	228.883.500
Công ty TNHH Alpha Solar 2	871.880.200	216.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	864.000.000	216.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NVP Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	291.500.000	Chưa là bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty Cổ phần Helio Power	-	2.800.000.000
Công ty TNHH Atlas Power 1	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Omega Power 4	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	72.000.000
	8.734.983.700	3.934.883.500
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.955.574.328	1.582.131.716
Công ty TNHH Alpha Solar 4	9.823.200	9.823.200
Công ty TNHH Alpha Solar 3	5.629.250	5.629.250
Công ty Cổ phần Helio Power	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	-	56.100.000
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	12.883.500
	1.971.026.778	2.266.567.666
Cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	160.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	565.000.000
	-	725.000.000
Thu hồi cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	17.083.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	5.705.000.000
	-	22.788.000.000
Nhận tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	-	400.000.000
	-	400.000.000
Trả tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	400.000.000	-
	400.000.000	-
Nhận lãi cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	932.600.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	594.500.000
	-	1.527.100.000

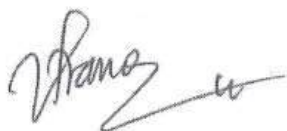
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền cho vay	-	593.212.712
Bà Lê Thị Hải Hà	-	109.545.479
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	702.758.191

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Alpha Solar 3	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Alpha Solar 4	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	375.480.000	61.560.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	375.480.000	61.560.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
	8.607.600.000	123.120.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Amber Capital	430.000.000	860.457.600
	430.000.000	860.457.600
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Amber Capital	769.781.575	1.438.699.459
Công ty TNHH Alpha Solar 4	-	10.609.056
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	13.914.180
	769.781.575	1.463.222.695
Vay ngắn hạn		
Ông Phan Thành Đạt	-	400.000.000
	-	400.000.000

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	300.000.000	250.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan	120.000.000	20.000.000
Ông Phan Thành Đạt	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	10.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	25.000.000
Ông Hoàng Thế Anh	-	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-	35.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.913.859.267	880.332.000
Ông Phan Thành Đạt	790.286.503	398.529.000
Ông Bùi Tuấn Dương	576.238.697	255.818.867
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	547.334.067	225.984.133
Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

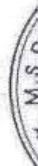
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Ngày 10/01/2025

Công ty Cổ phần Helio Energy

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 41

10.
T
H
Y
C
A
10

U.N.O
THA

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 23835 - 02 / 2025 - SCT/BS

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ngày: 25 -12- 2025

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC - Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 3 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người đại diện theo pháp luật

HELIO ENERGY

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thành Đạt

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025



CHỖ CHỮNG VIÊN
Nguyễn Văn Hoàn

Số tham chiếu: 13664222/E-68360680

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") được lập ngày 3 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1



Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		29.462.754.568	29.764.153.013
110	I. Tiền	4	14.224.667.716	3.357.152.990
111	1. Tiền		14.224.667.716	3.357.152.990
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.578.611.523	23.640.905.747
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	13.056.248.522	22.602.925.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.492.428.000	1.034.437.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		29.935.001	3.543.747
140	III. Hàng tồn kho		150.025.270	537.095.181
141	1. Hàng tồn kho		150.025.270	537.095.181
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		509.450.059	2.228.999.095
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	509.450.059	922.409.024
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.306.590.071
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		223.921.595.374	226.639.177.596
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		830.000.000	830.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	830.000.000	830.000.000
220	II. Tài sản cố định		36.544.174.872	40.710.756.156
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	36.544.174.872	40.710.756.156
222	Nguyên giá		53.073.074.935	53.073.074.935
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.528.900.063)	(12.362.318.779)
230	III. Bất động sản đầu tư	9	1.747.410.985	1.906.266.529
231	1. Nguyên giá		2.382.833.161	2.382.833.161
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(635.422.176)	(476.566.632)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10	183.929.800.801	182.606.106.154
251	1. Đầu tư vào công ty con		184.805.500.000	184.805.500.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(875.699.199)	(2.199.393.846)
260	V. Tài sản dài hạn khác		870.208.716	586.048.757
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	870.208.716	586.048.757
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		253.384.349.942	256.403.330.609

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.949.173.440	39.109.521.991
310	I. Nợ ngắn hạn		10.429.173.440	12.199.521.991
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	256.060.942	1.935.323.793
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.577.458.264	902.432.167
314	3. Phải trả người lao động		389.500.000	1.042.388.159
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.507.960.527	3.239.377.872
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		73.250.000	-
320	6. Vay ngắn hạn	15	5.390.000.000	5.080.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	14	234.943.707	-
330	II. Nợ dài hạn		21.520.000.000	26.910.000.000
338	1. Vay dài hạn	15	21.520.000.000	26.910.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		221.435.176.502	217.293.808.618
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	221.435.176.502	217.293.808.618
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.435.176.502	7.293.808.618
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		6.487.926.830	2.452.334.695
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.947.249.672	4.841.473.923
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		253.384.349.942	256.403.330.609



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng




Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

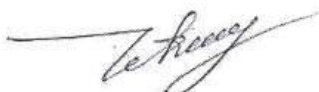
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	33.677.752.790	39.181.532.882
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	17	33.677.752.790	39.181.532.882
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	20.725.105.541	22.591.132.979
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		12.952.647.249	16.590.399.903
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		231.205.583	2.172.798
22	7. Chi phí tài chính	19	1.105.463.320	3.628.784.193
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.428.821.967	2.920.828.013
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.166.407.310	7.220.858.997
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		5.911.982.202	5.742.929.511
31	11. Thu nhập khác		134.063.099	855.467.001
32	12. Chi phí khác		14.879.959	910.078.318
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		119.183.140	(54.611.317)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		6.031.165.342	5.688.318.194
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.083.915.670	846.844.271
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		4.947.249.672	4.841.473.923

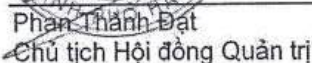


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng




Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.031.165.342	5.688.318.194
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư		4.325.436.828	4.307.395.829
03	(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng		(1.323.694.647)	707.444.180
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(230.372.009)	(2.172.798)
06	Chi phí lãi vay	19	2.428.821.967	2.920.828.013
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.231.357.481	13.621.813.418
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.368.884.295	(9.807.365.316)
10	Giảm hàng tồn kho		387.069.911	425.497.240
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.548.604.753)	1.387.554.593
12	Giảm chi phí trả trước		128.799.006	846.338.768
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.432.580.871)	(2.922.119.794)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(846.844.271)	(64.971.345)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(570.938.081)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.717.142.717	3.486.747.564
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(102.201.818)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		230.372.009	4.582.172.798
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		230.372.009	4.479.970.980

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền trả nợ gốc vay		(5.080.000.000)	(4.790.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(5.080.000.000)	(4.790.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.867.514.726	3.176.718.544
60	Tiền đầu năm		3.357.152.990	180.434.446
70	Tiền cuối năm	4	14.224.667.716	3.357.152.990



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 40 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40 người).

Công ty Cổ phần Helio Energy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		Địa chỉ
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%		Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%		Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%		Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%		Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%		Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%		Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%		Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%		Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%		Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%		Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%		Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC - Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
công cụ dụng cụ

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	222.611.000	289.556.000
Tiền gửi ngân hàng	14.002.056.716	3.067.596.990
TỔNG CỘNG	14.224.667.716	3.357.152.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	7.068.728.522	5.657.005.000
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	163.070.424	199.778.000
- Công ty Điện lực Bình Thuận	157.958.981	224.615.746
- Công ty Điện lực Bình Dương	159.738.091	173.140.274
- Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	133.881.026	178.830.980
- Khác	6.454.080.000	4.880.640.000
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	5.987.520.000	16.945.920.000
TỔNG CỘNG	13.056.248.522	22.602.925.000

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	710.988.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Huy Hoàng	252.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	129.440.000	404.500.000
Công ty TNHH Phú Gia Construction	400.000.000	629.937.000
TỔNG CỘNG	1.492.428.000	1.034.437.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	48.655.915	887.161.037
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	460.794.144	35.247.987
TỔNG CỘNG	509.450.059	922.409.024
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	848.419.492	567.717.168
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.789.224	18.331.589
TỔNG CỘNG	870.208.716	586.048.757

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đặt cọc	830.000.000	830.000.000
TỔNG CỘNG	830.000.000	830.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn từ các bên khác</i>	<i>830.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 23)</i>	<i>-</i>	<i>430.000.000</i>

Công ty Cổ phần Helio Energy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện truyền dẫn	Tám pin mặt trời	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá:						
Số đầu năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Số cuối năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	45.998.004	4.930.909.898	16.026.269	1.653.219.573	5.716.165.035	12.362.318.779
- Khấu hao trong năm	15.271.800	1.644.641.364	34.067.268	574.184.472	1.898.416.380	4.166.581.284
Số cuối năm	61.269.804	6.575.551.262	50.093.537	2.227.404.045	7.614.581.415	16.528.900.063
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	183.079.036	13.667.817.702	86.175.549	4.013.603.009	22.760.080.860	40.710.756.156
Số cuối năm	167.807.236	12.023.176.338	52.108.281	3.439.418.537	20.861.664.480	36.544.174.872

Công ty đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tám pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tám pin và một số tài sản khác) với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 36,5 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 40,6 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa, vật kiến trúc

Nguyên giá:

Số đầu năm

2.382.833.161

Số cuối năm

2.382.833.161

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm

476.566.632

- Khấu hao trong năm

158.855.544

Số cuối năm

635.422.176

Giá trị còn lại:

Số đầu năm

1.906.266.529

Số cuối năm

1.747.410.985

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Dự phòng		Dự phòng		
	Giá gốc		Giá gốc		
Công ty TNHH Apollo Power 2	10.037.500.000	-	10.037.500.000	-	
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	(184.581.547)	10.095.000.000	-	(455.354.300)
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(472.563.844)	10.100.000.000	-	(340.621.754)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	(41.127.831)
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	(114.915.603)
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	(641.891.664)
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	(113.691.902)	6.000.000.000	(113.691.902)	(605.482.694)
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	(104.861.906)	6.000.000.000	(104.861.906)	-
Công ty TNHH Camation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	184.805.500.000	(875.699.199)	184.805.500.000	(2.199.393.846)	

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Amber Capital	168.687.750	168.687.750	769.781.575	769.781.575
Phải trả đối tượng khác	87.373.192	87.373.192	1.165.542.218	1.165.542.218
TỔNG CỘNG	256.060.942	256.060.942	1.935.323.793	1.935.323.793
Trong đó:				
Phải trả cho các bên khác	256.060.942	256.060.942	1.165.542.218	1.165.542.218
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	-	769.781.575	769.781.575

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	364.438.238	-	364.438.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	846.844.271	1.083.915.670	846.844.271	1.083.915.670
Thuế thu nhập cá nhân	55.587.896	433.806.210	360.289.750	129.104.356
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
TỔNG CỘNG	902.432.167	1.888.160.118	1.213.134.021	1.577.458.264

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.943.292.449	2.327.375.132
Chi phí lãi vay	23.243.836	27.002.740
Các khoản trích trước khác	541.424.242	885.000.000
TỔNG CỘNG	2.507.960.527	3.239.377.872

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	805.881.788	-
Sử dụng trong năm	(570.938.081)	-
Số cuối năm	234.943.707	-

Công ty Cổ phần Helio Energy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính cùng ngày

15. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Phân loại lại theo lịch trả nợ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn đến hạn trả	5.080.000.000	5.080.000.000	-	5.080.000.000	5.390.000.000	-	5.390.000.000	5.390.000.000
	5.080.000.000	5.080.000.000	-	5.080.000.000	5.390.000.000	-	5.390.000.000	5.390.000.000
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	26.910.000.000	26.910.000.000	-	-	-	5.390.000.000	21.520.000.000	21.520.000.000
	26.910.000.000	26.910.000.000	-	-	-	5.390.000.000	21.520.000.000	21.520.000.000
TỔNG CỘNG	31.990.000.000	31.990.000.000	-	5.080.000.000	5.390.000.000	5.390.000.000	26.910.000.000	26.910.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	21.210.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029.	7,8% - 8,0%	Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	5.700.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027.	8,88% - 9,15%	Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	26.910.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.390.000.000			
Vay dài hạn	21.520.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	210.000.000.000	2.452.334.695	212.452.334.695
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.841.473.923	4.841.473.923
Số cuối năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
Năm sau			
Số đầu năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.947.249.672	4.947.249.672
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	210.000.000.000	11.435.176.502	221.435.176.502

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

16.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> <u>Số cổ phần</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Số cổ phần</u>
Cổ phiếu đã được duyệt	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).		

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	33.677.752.790	39.181.532.882
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	23.764.045.720	29.452.405.600
Doanh thu bán điện	9.800.957.070	9.729.127.282
Doanh thu cho thuê	112.750.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	33.677.752.790	39.181.532.882
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	19.208.390.970	20.495.432.682
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	14.469.361.820	18.686.100.200

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	14.564.963.972	16.626.767.177
Giá vốn bán điện	5.969.172.836	5.964.365.802
Giá vốn cho thuê	190.968.733	-
TỔNG CỘNG	20.725.105.541	22.591.132.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.428.821.967	2.920.828.013
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(1.323.694.647)	707.444.180
Chi phí tài chính khác	336.000	512.000
TỔNG CỘNG	1.105.463.320	3.628.784.193

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.221.884.766	2.572.282.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.067.268	16.026.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.803.208.758	4.511.029.585
Chi phí khác	107.246.518	121.520.543
TỔNG CỘNG	6.166.407.310	7.220.858.997

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	9.087.323.392	10.843.084.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.325.436.828	4.157.080.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.889.414.594	14.448.747.657
Chi phí khác	201.776.038	373.975.299
TỔNG CỘNG	26.503.950.852	29.822.888.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.083.915.670	846.844.271
TỔNG CỘNG	1.083.915.670	846.844.271

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.031.165.342	5.688.318.194
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận		
Chi phí không được trừ	109.879.959	189.175.476
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	(721.466.951)	(972.038.952)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(671.233.362)
Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất 20%	5.419.578.350	4.234.221.356
Chi phí thuế TNDN	1.083.915.670	846.844.271

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 12 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 8 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 13 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	578.203.600	576.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	432.000.000	432.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	420.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Không còn là bên liên quan	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	146.422.000	144.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	217.238.740	871.880.200
Công ty TNHH Alpha Solar 2	217.238.740	864.720.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	218.258.740	864.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
TỔNG CỘNG	14.469.361.820	18.686.100.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:
(tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Mua hàng và sử dụng hàng hóa		
Công ty Cổ phần Amber Capital	467.883.870	1.955.574.328
Công ty TNHH Alpha Solar 4	2.455.800	9.823.200
TỔNG CỘNG	470.339.670	1.965.397.528

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1) - Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	311.040.000	469.440.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng>NNL Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Omega Power 3	233.280.000	352.080.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Solar Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH KCP Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	155.520.000	234.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1) - Cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	77.760.000	117.360.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	77.760.000	117.360.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
TỔNG CỘNG	5.987.520.000	16.945.920.000
Phải thu khác (Thuyết minh số 7) – Đặt cọc thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	430.000.000
TỔNG CỘNG	-	430.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11) – Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	769.781.575
TỔNG CỘNG	-	769.781.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	257.500.000	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan	35.000.000	120.000.000
Ông Phan Thành Đạt	102.500.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.740.285.998	1.913.859.267
Ông Phan Thành Đạt	223.789.739	790.286.503
Ông Bùi Tuấn Dương	615.129.900	576.238.697
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	629.605.667	547.334.067
Bà Lê Thị Trang	271.760.692	-
Thù lao Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	2.129.785.998	2.345.859.267

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Bộ phận sản xuất điện;
- ▶ Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- ▶ Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.800.957.070	23.764.045.720	112.750.000	33.677.752.790
Tổng doanh thu	9.800.957.070	23.764.045.720	112.750.000	33.677.752.790
Kết quả				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	3.831.784.234	9.199.081.748	(78.218.733)	12.952.647.249 (6.921.481.907)
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				6.031.165.342
Lợi nhuận thuần trước thuế				(1.083.915.670)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				4.947.249.672
Lợi nhuận thuần sau thuế				
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ	4.500.805.593	-	158.855.544	4.659.661.137
chi phí trả trước dài hạn				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	223.018.308.240	13.934.028.000	1.747.410.985	238.699.747.225
Tài sản không phân bổ (ii)				14.684.602.717
Tổng tài sản				253.384.349.942
Công nợ bộ phận	54.710.231	1.943.292.449	73.250.000	2.071.252.680
Công nợ không phân bổ (iii)				29.877.920.760
Tổng công nợ				31.949.173.440

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)	Đơn vị tính: VND		
	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.729.127.282	29.452.405.600	39.181.532.882
Tổng doanh thu	9.729.127.282	29.452.405.600	39.181.532.882
Kết quả			
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	3.764.761.480	12.825.638.423	16.590.399.903
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)			(10.902.081.709)
Lợi nhuận thuần trước thuế			5.688.318.194
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(846.844.271)
Lợi nhuận thuần sau thuế			4.841.473.923
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.502.312.886	-	4.661.168.430
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (*)			
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	227.461.352.091	23.237.662.686	252.616.177.619
Tài sản không phân bổ (ii)			3.787.152.990
Tổng tài sản			256.403.330.609
Công nợ bộ phận	459.747.958	3.015.865.132	3.488.735.090
Công nợ không phân bổ (iii)			35.620.786.901
Tổng công nợ			39.109.521.991

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng phúc lợi.
- (*) Một số công nợ bộ phận, công nợ không phân bổ đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày số liệu cho năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.094.383.427	3.134.318.012
Từ 1 – 5 năm	5.946.788.826	6.508.844.537
Trên 5 năm	8.907.925.582	9.404.824.997
TỔNG CỘNG	17.949.097.835	19.047.987.546

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	186.000.000	116.250.000
Từ 1 – 5 năm	480.500.000	736.250.000
TỔNG CỘNG	666.500.000	852.500.000

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty đã nộp bổ sung hồ sơ về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 01/2025/HIO-ĐKCB. Số lượng cổ phiếu phổ thông được đăng ký chào bán thêm là 21.000.000, tương đương với 100% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty dự kiến chào bán qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày của báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Theo Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024; Nghị quyết số 14/2024/HIO/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 01/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 210.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành.



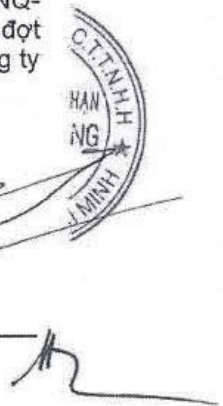
Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phản Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

